

Tài khoản Linh hoạt			
Loại tiền	VND	USD	AUD
Tất cả các mức phí được niêm yết bằng loại tiền của tài khoản và chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng			
Phí Quản lý Tài khoản			
Phí quản lý tài khoản hàng tháng	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Số dư mở tài khoản tối thiểu	1.000.000	250	250
Phí mở tài khoản	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí duy trì tài khoản đồng sở hữu	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Phí đóng tài khoản sớm (Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở)	500.000	25	25
Phí Giao dịch tại chi nhánh			
Gửi tiền – VND	Miễn phí	Tỷ giá quy đổi thành USD	Tỷ giá quy đổi thành AUD
Gửi tiền - Ngoại tệ	Tỷ giá quy đổi thành VND, không thu phí	Miễn phí	Miễn phí
Rút tiền – VND	Miễn phí	Tỷ giá quy đổi thành VND, không thu phí	Tỷ giá quy đổi thành VND, không thu phí
Rút tiền - ngoại tệ	Không áp dụng	0,20% (tối thiểu 1)	0,20% (tối thiểu 1)
Phí kiểm đếm			
- Giao dịch ngoại tệ :			
Đổi sang Đồng Việt Nam			
Khách hàng của Tập đoàn Commonwealth Bank	Không áp dụng	Miễn phí	Miễn phí
Khách hàng vắng lai	Không áp dụng	0,30% (tối thiểu 1)	0,30% (tối thiểu 1)
Đổi sang ngoại tệ			
Khách hàng của Tập đoàn Commonwealth Bank	0,30% (tối thiểu 20.000)	0,30% (tối thiểu 1)	0,30% (tối thiểu 1)
Khách hàng vắng lai	0,30% (tối thiểu 20.000)	0,30% (tối thiểu 1)	0,30% (tối thiểu 1)
- Cho giao dịch rút tiền từ 500.000.000VND trở lên trong vòng 02 ngày làm việc kể từ lúc gửi	0,05% (tối thiểu 250.000, tối đa 2.500.000)	Không áp dụng	Không áp dụng
Xác Nhận Của Ngân Hàng			
Xác nhận chuyển khoản thành công	60.000	3	3
Xác nhận số dư - tại chi nhánh	100.000	5	5
Xác nhận mang ngoại tệ ra nước ngoài	100.000	5	5
Xác nhận thông tin tài khoản	100.000	5	5
Cấp lại Sổ Tiết Kiệm mới	60.000	3	3
Phí Giao dịch qua ATM			
<u>Tại các máy ATM của ngân hàng CBA tại Việt Nam</u>			
Rút tiền	Miễn phí	Bằng VND và Miễn phí	Bằng VND và Miễn phí
Kiểm tra số dư	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Chuyển khoản (cùng hệ thống)	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
<u>Tại các máy ATM thuộc mạng lưới VNBC</u>			
Rút tiền	Miễn phí	Bằng VND và Miễn phí	Bằng VND và Miễn phí
Kiểm tra số dư	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
<u>Tại các máy ATM của Ngân hàng CBA tại Úc</u>			
Rút tiền	60.000	3	3
Kiểm tra số dư	15.000	0,75	0,75
<u>Giao dịch qua mạng lưới Maestro Cirrus</u>			
Rút tiền qua ATM không phải của Ngân hàng CBA Australia	80.000 + phí dịch vụ khác	4	4
Rút tiền bằng ngoại tệ khác	80.000 + phí dịch vụ khác	4	4
Kiểm tra số dư	15.000	0,75	0,75
Giao dịch bị từ chối	15.000	0,75	0,75
Thanh toán tại điểm bán hàng (POS) (nếu được chấp nhận)	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
<u>Thẻ ATM</u>			
Phát hành thẻ	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Đổi thẻ ATM (trước khi hết hạn)	100.000	5	5
Phí khiếu nại và yêu cầu kiểm tra (trường hợp lỗi là do chủ thẻ)	200.000	10	10
Phí phát hành lại PIN	50.000	2,5	2,5

Sao kê tài khoản			
Thông báo / Sao kê định kỳ	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
Thông báo / Sao kê bổ sung (mỗi tháng)			
- Nhận tại Chi nhánh	20.000	1	1
	30.000	1.5	1.5
- Nhận qua thư/fax trong nước	+ Phí bưu điện/fax/chuyển phát nhanh	+ Phí bưu điện/fax/chuyển phát nhanh	+ Phí bưu điện/fax/chuyển phát nhanh
	30.000	1.5	1.5
- Nhận qua thư/fax gửi ra nước ngoài	+ Phí bưu điện/fax/chuyển phát nhanh	+ Phí bưu điện/fax/chuyển phát nhanh	+ Phí bưu điện/fax/chuyển phát nhanh
Tài khoản Đầu tư An toàn và Sổ tiết kiệm			
Loại tiền	VND	USD	AUD
Tất cả các mức phí được niêm yết bằng loại tiền của tài khoản và chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng			
Rút tiền đưa vào Sổ tiết kiệm			
Chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng sang Sổ tiết kiệm			
Kỳ hạn 1 tuần	Miễn phí	0,20% (tối thiểu 1)	0,20% (tối thiểu 1)
Những kỳ hạn khác	Miễn phí	0,10% (tối thiểu 1)	0,10% (tối thiểu 1)
Tất toán tài khoản trước hạn			
Tất toán khoản trong tuần đầu tiên của kỳ hạn	Áp dụng lãi suất 0,00%	Áp dụng lãi suất 0,00%	Áp dụng lãi suất 0,00%
	Điều chỉnh lãi suất xuống mức đang áp dụng trên khoản Linh hoạt bằng VNĐ cho thời hạn đầu tư thực tế	Điều chỉnh lãi suất xuống mức đang áp dụng trên khoản Linh hoạt bằng USD cho thời hạn đầu tư thực tế	Điều chỉnh lãi suất xuống mức đang áp dụng trên khoản Linh hoạt bằng AUD cho thời hạn đầu tư thực tế
Tất toán tài khoản sau tuần đầu tiên của kỳ hạn			
Phí Dịch vụ Chung và Giao dịch Séc			
Loại tiền	VND	USD	AUD
Tất cả các mức phí được niêm yết bằng loại tiền của tài khoản và chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng			
Dịch vụ Chung			
Giữ hộ chứng từ giao dịch (nhận tại chi nhánh) - thường niên	300.000	15	15
Gửi sao kê qua Email (hàng tháng)	20.000	1	1
<u>Tra soát (tính theo chứng từ)</u>			
Chứng từ trong vòng 12 tháng gần nhất	40.000	2	2
Chứng từ quá 12 tháng	400.000	20	20
Giao dịch Séc			
Séc bảo chi	50.000	Không áp dụng	Không áp dụng
<u>Chỉ áp dụng cho Tài khoản Doanh nghiệp</u>			
Phát hành số séc (25 séc)	50.000	Không áp dụng	Không áp dụng
Séc mất khả năng thanh toán (mỗi séc)	240.000	Không áp dụng	Không áp dụng
Thông báo ngừng thanh toán séc (từng lần)	80.000	Không áp dụng	Không áp dụng
Phí lĩnh tiền mặt	20.000	Không áp dụng	Không áp dụng
Phí thanh toán séc nhờ thu gửi đến (mỗi séc)	30.000	Không áp dụng	Không áp dụng
Phí thanh toán séc nhờ thu gửi đi (mỗi séc):			
Trong nước	50.000	Không áp dụng	Không áp dụng
	+ Phí bưu điện/chuyển phát nhanh		
Séc và hối phiếu AUD			
Phí nhờ thu - Khách hàng (CBA Việt Nam)	0,50% (tối thiểu 160.000) + phí bưu điện	0,50% (tối thiểu 8) + phí bưu điện	0,50% (tối thiểu 8) + phí bưu điện
Phí bị từ chối thanh toán	1.000.000	50	50
Séc du lịch American Express			
Loại tiền	EUR	USD	AUD
Tất cả các mức phí được niêm yết bằng loại tiền của tài khoản và chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng			
Séc du lịch American Express			
Phí đổi tiền mặt - Khách hàng (CBA Việt Nam hoặc CBA Úc)	2,00% (tối thiểu 2)	2,00% (tối thiểu 2)	2,00% (tối thiểu 2)
Phí đổi tiền mặt - Khách hàng vắng lai	2,00% (tối thiểu 4)	2,00% (tối thiểu 4)	2,00% (tối thiểu 4)

Phí Thanh toán			
Loại tiền	VND	USD	AUD
Tất cả các mức phí được niêm yết bằng loại tiền của tài khoản và chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng			
Chuyển tiền / Chuyển khoản			
<u>Nhận tiền đến (trong nước)</u>	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
<u>Nhận tiền đến (từ nước ngoài) *</u>			
Ghi có vào tài khoản	40.000	2	2
<u>Nhận tiền tại quầy</u>			
Tại ngân hàng Commonwealth Bank chi nhánh Tp. HCM	0,05% (tối thiểu 40.000)	0,20% (tối thiểu 5)	0,20% (tối thiểu 5)
Tại ngân hàng khác trong Tp. HCM/ Hà Nội	50.000	5	5
Tại ngân hàng khác ngoài Tp. HCM/Hà Nội	100.000	10	10
<u>Chuyển tiền đi (trong nước)</u>			
Khách hàng (CBA Việt Nam) trong Tp. HCM/Hà Nội	20.000	1	1
ngoài Tp. HCM/Hà Nội	0,01% (tối thiểu 40.000, tối đa 1.000.000)	0,10% (tối thiểu 2, tối đa 50)	0,10% (tối thiểu 2, tối đa 50)
Khách hàng vắng lai trong Tp. HCM/Hà Nội	100.000	5	5
ngoài Tp. HCM/Hà Nội	0,20% (tối thiểu 200.000, tối đa 4.000.000)	0,20% (tối thiểu 10, tối đa 200)	0,20% (tối thiểu 10, tối đa 200)
Sửa đổi lệnh thanh toán	40.000	2	2
Hủy lệnh thanh toán	40.000	2	2
<u>Chuyển tiền đi (nước ngoài)</u>			
Khách hàng (CBA Việt Nam)	0,20% (tối thiểu 100.000, tối đa 4.000.000)	0,20% (tối thiểu 5, tối đa 200)	0,20% (tối thiểu 5, tối đa 200)
Khách hàng vắng lai	0,40% (tối thiểu 200.000, tối đa 8.000.000)	0,40% (tối thiểu 10, tối đa 400)	0,40% (tối thiểu 10, tối đa 400)
Người chuyển tiền chịu phí	0,20% (tối thiểu 100.000, tối đa 4.000.000) + phí ngân hàng khác	0,20% (tối thiểu 5, tối đa 200) + phí ngân hàng khác	0,20% (tối thiểu 5, tối đa 200) + phí ngân hàng khác
Sửa đổi lệnh thanh toán	300.000	15	15
Hủy lệnh thanh toán	300.000	15	15
Hối phiếu			
<u>Hối phiếu thanh toán ngoài lãnh thổ Việt Nam</u>			
<u>Phát hành hối phiếu</u>			
Khách hàng (CBA Việt Nam)	200.000	10	10
Khách hàng vắng lai	400.000	20	20
<u>Hủy hối phiếu</u>			
Khách hàng (CBA Việt Nam)	200.000	10	10
Khách hàng vắng lai	400.000	20	20
<u>Hối phiếu thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam</u>			
Khách hàng (CBA Việt Nam)	100.000	5	5
Khách hàng vắng lai	1,00% (tối thiểu 200.000)	1,00% (tối thiểu 10)	1,00% (tối thiểu 10)
Chỉ dẫn thanh toán định kỳ (phí chuyển khoản áp dụng cho từng giao dịch theo nơi chuyển đến)			
Chỉ dẫn thanh toán định kỳ mới	100.000	5	5
Thay đổi chỉ dẫn thanh toán định kỳ	100.000	5	5

Các Loại Phí Khác

Loại tiền	VND	USD	AUD
Tất cả các mức phí được niêm yết bằng loại tiền của tài khoản và chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng			
Phí chuyển Fax			
Trong nước	30.000/trang	1.5/trang	1.5/trang
Ngoài nước	80.000/trang	4/trang	4/trang
Phí chuyển phát nhanh			
Trong nước	50.000/thư	2.5/thư	2.5/thư
Ngoài nước	500.000/thư	25/thư	25/thư
Phí bưu điện			
Trong nước	30.000/thư	1.5/thư	1.5/thư
Ngoài nước	50.000/thư	2.5/thư	2.5/thư

*Nhận tiền bằng VND miễn phí cho các khoản tiền tương đương bằng hoặc dưới 10.000 AUD từ kênh NetCash. Mức phí nhận tiền bình thường như biểu phí sẽ được áp dụng cho các khoản tiền lớn hơn 10.000 AUD.

Biểu phí dịch vụ có thể được thay đổi theo quy định của ngân hàng chúng tôi. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận biểu phí dịch vụ hiện hành. Toàn bộ các điều khoản và điều kiện sẽ được cung cấp theo yêu cầu.

Các mức phí trên đây chưa bao gồm phí mà các chi nhánh, đại lý hoặc ngân hàng ở nước ngoài của chúng tôi áp dụng đối với một giao dịch.

Tất cả các tài khoản và giao dịch đều phải tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Để biết thêm thông tin chi tiết về bất kỳ sản phẩm dịch vụ nào, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng Hán Nam

Điện Thoại: 84-8-3824 1525

Số 65 Nguyễn Du

Fax: 84-8-3824 2703

Quận 1

Email: customerservice@commbank.com.vn

Thành phố Hồ Chí Minh

Web: www.commbank.com.vn

Commonwealth Bank of Australia - ABN 48 123 123 124